

Bản án số: 16/2020/HS-ST

Ngày 26-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đại

Ông Đỗ Kim Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2020/HSST ngày 08 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Lê Quang M, sinh ngày 25-02-1975 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 05, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh C và bà Nguyễn Thị K; có vợ là Đặng Thị N và có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10-3-2020, đến ngày 18-3-2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Trần Văn Q, sinh ngày 03-5-1995 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 03, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Bùi Thị Q; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10-3-2020, đến ngày 18-3-2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Đỗ Văn T, sinh ngày 05-10-1989 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 02A, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T và bà Phạm Thị V; có vợ là Bùi Thị M và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10-3-2020, đến ngày 18-3-2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Ngô Văn T, sinh ngày 22-6-1983 tại Hải Phòng. Nơi ĐKKHKT: Tổ 03, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Chỗ ở: Tổ 5, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T và bà Phạm Thị C; có vợ là Phạm Thị N và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10-3-2020, đến ngày 18-3-2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Ngô Văn S, sinh ngày 20-02-1978 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 05, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Duy Đ và bà Đỗ Thị M; có vợ là Trần Thị N và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10-3-2020, đến ngày 18-3-2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Hoàng Ngọc Đ, sinh ngày 17-11-1992 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 03, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10-3-2020, đến ngày 18-3-2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Bùi Văn D, sinh ngày 09-11-1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 02, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn D và bà Hoàng Thị B; có vợ là Nguyễn Thị Q và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10-3-2020, đến ngày 18-3-2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Trần Việt P, sinh ngày 16-4-1985 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 11, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa:

9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Việt P và bà Hoàng Thị T; có vợ là Trịnh Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10-3-2020, đến ngày 18-3-2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Nguyễn Văn H, sinh ngày 06-6-1993 tại Hải Phòng. Nơi ĐKKHKT: Tổ 03, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Chỗ ở: Tổ 13, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Đỗ Thị Thu H và có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10-3-2020, đến ngày 18-3-2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. Bùi Văn H, sinh ngày 12-4-1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 03, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Đỗ Thị C; có vợ là Nguyễn Thị L và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10-3-2020, đến ngày 18-3-2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

11. Phạm Văn T, sinh ngày 11-7-1965 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ 5, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Đào Thị N; có vợ là Ngô Thị D và có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10-3-2020, đến ngày 18-3-2020 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Quang M: Bà Đoàn Thị H - trợ giúp viên pháp lý - T tâm trợ giúp pháp lý thành phố Hải Phòng.

Người làm chứng:

- Anh Cao Đức C, vắng mặt.
- Ông Phạm Văn B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại P tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 10/3/2020, Lê Quang M làm cơm cúng cho con trai chết năm 2017 và mời một số họ hàng và bạn bè đến ăn cơm. Đến khoảng 12 h mọi người ra sân xem M vắn gà, đá gà. Khoảng 13 giờ ngày 10/3/2020, Trần Văn Q sang nhà Lê Quang M để xem đá gà, sau đó Q đi vào trong nhà thấy dưới nền nhà đã được rải chiếu và trên chiếu có 01 bộ bài tú lơ khơ. Q ngồi xuống nói “*Có ai đánh binh không*” thì có Ngô Văn S, Nguyễn Văn H, Ngô Văn T đồng ý. Trước khi đánh H thống nhất với cả nhóm cách đánh với tỉ lệ 20.000 đồng/01 chi, mỗi người tham gia đánh bạc trực tiếp được chia 13 lá bài, người đánh sẽ sắp xếp những lá bài của mình thành 3 chi: Chi đầu 5 lá, chi giữa 5 lá và chi cuối 3 lá sao cho chi đầu M hơn chi giữa, chi giữa M hơn chi cuối.

Người đánh bạc sẽ xếp các chi thành các bộ: Mậu thầu (hay gọi là sảnh giải tán), các lá bài trong chi không có sự liên kết; Đôi: Trong chi có 2 lá bài đồng số; Thù: Trong chi có 2 đôi; Xám: Trong chi có 3 lá bài đồng số; Sảnh: Trong chi có các lá bài cùng một chuỗi số không đồng chất; Thùng: Các lá bài trong chi cùng màu, đồng chất nhưng không phải là một chuỗi số; Cù lũ: Trong chi có 1 đôi và 1 xám.

Nếu trong chi có các bộ bài này thì được gọi là bài cao: Tứ quý: Trong chi có 4 lá bài đồng số; Thùng phá sảnh: Các lá bài trong chi là một chuỗi số cùng màu, đồng chất.

Thứ tự so sánh được tính từ Q lá bài 2 đến Q lá bài Át.

Nếu người đánh bạc có các bộ bài sau thì thắng “trắng” (không cần đo chi): 3 sảnh: Cả 3 chi mỗi chi là 1 bộ sảnh, giữa các chi không có sự liên kết với nhau; 3 thùng: Cả 3 chi mỗi chi là 1 bộ thùng; Lục phé bôn: Trong bộ bài có 6 đôi và 1 lá bài lẻ; 5 đôi 1 xám: Trong bộ bài có 5 đôi và 1 xám. Nếu 2 bộ giống nhau thì đo đôi cao nhất; Sảnh rồng: 13 lá bài là một chuỗi số (từ Q 2 đến Q Át) không đồng chất; Rồng cuốn: 13 lá bài là một chuỗi số (từ Q 2 đến Q Át) đồng chất;

Tỉ lệ cá cược là 20.000đồng/01 chi. Sau khi xếp bài xong những người đánh bạc trực tiếp sẽ đo chi với nhau nếu ai có chi M hơn thì thắng được 20.000đồng của người thua. Nếu ai có bài cao, thắng trắng thì được nhân lên số tiền thắng, cụ thể: Nếu có bộ “Tứ quý” thì thắng gấp 4 lần tiền 1 chi tương đương 80.000 đồng 1 người; Nếu có bộ “Thùng phá sảnh” thì thắng gấp 5 lần tiền 1 chi tương đương 100.000 đồng 1 người; Nếu có bộ bài “3 sảnh, 3 thùng, lục phé bôn, 5 đôi 1 xám” thì thắng gấp 6 lần tiền 1 chi tương đương 120.000đồng/01 người; Nếu có bộ “Sảnh rồng” thì thắng gấp 12 lần tiền 01 chi tương đương 240.000đồng/01 người; nếu có bộ “Rồng cuốn” thì thắng gấp 24 lần tiền 01 chi tương đương 480.000đồng/01 người.

Mỗi ván bài cao, thắng trắng, người thắng sẽ phải bỏ ra 20.000 đồng “tiền hồ” để vào hộp nhựa để cho chủ nhà là Lê Quang M.

Sau khi thống nhất xong cách đánh thì Q, H, S và T bắt đầu chơi, đến hơn 14 giờ thì H hết tiền nên Đỗ Văn T vào chơi thay. Ngoài 04 người trực tiếp đánh còn có Bùi Văn H, Bùi Văn D, Phạm Văn T, Hoàng Ngọc Đ, Trần Việt P cùng một số người khác tham gia cá cược bên ngoài bằng cách đặt cược vào bài của một trong những người đánh trực tiếp để cá cược với những người còn lại với tỉ lệ 1 ăn 1. Khoảng 14h 30', khi các bị cáo Trần Văn Q, Ngô Văn S, Nguyễn Văn H, Ngô Văn T, Đỗ Văn T, Bùi Văn Hải, Bùi Văn D, Phạm Văn T, Hoàng Ngọc Đ và Trần Việt P đang đánh bạc, Lê Quang M đi từ sân vào thấy Q, Đỗ Văn T, T, S đang ngồi đánh bạc dưới chiếu các bị cáo còn lại và một số người nữa đứng xung quanh và đánh kè. Trên chiếu có hộp nhựa, trong có tiền. M biết đây là tiền hồ các bị cáo đánh bạc đưa cho bị cáo (nhưng không biết số tiền là bao nhiêu). Khi thấy các bị cáo nói trên đánh bạc, M không nói gì và đứng xem. Khi cả nhóm chơi đến gần 15 giờ thì bị Công an bắt quả tang cùng vật chứng là 01 bộ tú lơ khơ có 52 lá bài, thu trên chiếu số tiền là 21.370.000 đồng và tiền trong người các bị cáo Trần Văn Q 7.540.000 đồng, Ngô Văn T 5.000.000 đồng, Ngô Văn S 7.050.000 đồng, Bùi Văn D 4.230.000 đồng, Trần Việt P 1.100.000 đồng, Phạm Văn T 1.000.000 đồng và Hoàng Ngọc Đ 2.300.000 đồng; 01 hộp nhựa trong có số tiền là 80.000 đồng. Ngoài các bị cáo, còn có một số đối tượng chạy thoát.

Quá trình điều tra đã xác định, số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc cụ thể như sau: Đỗ Văn T có 4.100.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc; Trần Văn Q có 9.340.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc còn 7.340.000 đồng của chị Trần Thị Nguyệt ở tổ 3, phường H, quận D gửi Q giữ hộ không sử dụng đánh bạc; Ngô Văn T có 7.700.000 đồng, sử dụng 2.700.000 đồng đánh bạc còn lại 5.000.000 đồng T sử dụng mua hàng của bà Trần Thị Sinh ở tổ 5, phường H, quận D; Ngô Văn S có 9.350.000 đồng, sử dụng 2.300.000 đồng đánh bạc, còn 7.050.000 đồng để thanh toán tiền sơn nhà; Hoàng Ngọc Đ có 2.500.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng đánh bạc, còn 2.000.000 đồng đưa cho mẹ là bà Nguyễn Thị T để chi tiêu trong gia đình; Bùi Văn D có 4.530.000 đồng, sử dụng 900.000 đồng đánh bạc, còn 3.630.000 đồng đưa cho vợ là Nguyễn Thị Q để chi tiêu gia đình; Nguyễn Văn H có 800.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc; Trần Việt P có 900.000 đồng, sử dụng 400.000 đồng đánh bạc, còn 500.000 đồng để chi tiêu việc gia đình; Phạm Văn T có 1.100.000 đồng, sử dụng 100.000 đồng đánh bạc, còn 1.000.000 đồng để mua phân bón, Bùi Văn H có 500.000 đồng sử dụng hết để đánh bạc.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 06-7-2020, Viện Kiểm sát nhân dân quận D đã truy tố bị cáo Lê Quang M về tội Gã bạc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Văn Q, Nguyễn Văn H, Ngô Văn S, Ngô Văn T, Đỗ Văn T, Bùi Văn Hải, Trần Việt P, Bùi Văn D, Phạm Văn T, Hoàng Ngọc Đ về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Vật chứng của vụ án: 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 Q bài; 01 hộp nhựa hình trụ tròn màu trắng cao 16,8cm đường kính đáy là 10cm và 49.670.000 đồng, cHên Chi cục Thi hành án dân sự quận D quản lý phục vụ việc xét xử.

Trong vụ án này còn một số đối tượng tham gia đánh bạc cùng các bị cáo, hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ. Cơ quan điều tra xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại P tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng, các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Quang M trình bày quan điểm bảo vệ: Về tội danh, điều khoản truy tố người bào chữa xác định Viện kiểm sát nhân dân quận D truy tố bị cáo M là đúng người đúng tội. Tuy nhiên khi lượng hình cần đánh giá đến tính chất, mức độ, ý thức khi phạm tội của bị cáo, nhân thân hoàn cảnh gia đình bị cáo. Trong vụ án, bị cáo M không đồng phạm tội đánh bạc với các bị cáo còn lại. Ngày 10/3/2020, do nhà có việc nên bị cáo M có mời một số người đến ăn cơm, bị cáo M không rủ những người khác đến nhà bị cáo để chơi bạc, việc những người khác chơi bạc tại nhà bị cáo ban đầu bị cáo không hề biết bởi lúc này bị cáo đang có mặt tại nơi đá gà ở sân phía trước nhà bị cáo, sau đó khi đi vào nhà thì đã thấy có khoảng 10 người đang đánh bạc ăn tiền. Do phần lớn đều là bạn bè quen biết nên bị cáo đã không ngăn cản. Mặt khác,việc những người chơi bạc bỏ tiền vào hộp nhựa để cho bị cáo cũng là do những người chơi bạc tự nguyện bỏ vào khi có ván bài thắng mà không phải do bị cáo M thỏa thuận đòi hỏi, số tiền các bị cáo bỏ vào không nhiều, chỉ là 80.000 đồng. Tại P tòa, bị cáo M khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, mức độ phạm tội không nghiêm trọng. Mặt khác, hiện nay bị cáo đang là lao động chính, sức khỏe yếu bị bệnh phổi tắc nghẽn mạn. Việc không bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị và cho hưởng án treo. Do hoàn cảnh gia đình bị cáo kinh tế khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo của địa phương nên đề nghị HĐXX áp dụng không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo M và miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Đ diện Viện Kiểm sát tại P tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Quang M từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội gá bạc. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Trần Văn Q, Nguyễn Văn H từ 12 đến 15 tháng tù về tội đánh bạc nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 09 đến 12 tháng tù về tội đánh bạc nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng,

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Ngô Văn S, bị cáo Ngô Văn T từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn Hải, bị cáo Trần Việt P, bị cáo Hoàng Ngọc Đ, bị cáo Bùi Văn D từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn D từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc".

Trừ cho các bị cáo bị đề nghị phạt cải tạo không giam giữ 27 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 09 ngày (từ ngày 10-3-2020 đến ngày 18-3-2020).

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo vì điều kiện kinh tế khó khăn.

Ngoài ra còn đề nghị buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại P tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và

tại P tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo tại P tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 10/3/2020, tại tổ 5, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, Công an quận D bắt quả tang Lê Quang M đã cho các đối tượng đánh bạc dưới hình thức “đánh binh” thắng thua bằng tiền tại nhà mình để thu tiền hò. Các đối tượng đánh bạc gồm: Trần Văn Q, Nguyễn Văn H, Ngô Văn S, Ngô Văn T, Đỗ Văn T, Bùi Văn H, Trần Việt P, Bùi Văn D, Phạm Văn T và Hoàng Ngọc Đ với số tiền 23.150.000 đồng. (Số tiền đã chứng minh được các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 18.800.000 đồng. Còn lại là của các đối tượng khác).

[3] Hành vi của bị cáo Lê Quang M sử dụng nhà thuộc quyền sở hữu của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên, hành vi của bị cáo M đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của các bị cáo Trần Văn Q, Nguyễn Văn H, Ngô Văn S, Ngô Văn T, Đỗ Văn T, Bùi Văn H, Trần Việt P, Bùi Văn D, Phạm Văn T và Hoàng Ngọc Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân quận D truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ.

- Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

[5] Khi phạm tội đánh bạc, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Q là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo đánh bạc, H là người quy định cách thức đánh bài, mức tiền chơi bạc nên hai bị cáo có vai trò cao nhất trong vụ án; bị cáo T, bị cáo S, bị cáo Đỗ Văn T là người trực tiếp chơi nên có vai trò thấp hơn bị cáo Q, H S cao hơn các bị cáo Đ, P, Hải, D, Phạm Văn T.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại P tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Q, Đỗ T, T, S, Đ, P, Hải, Phạm T, H đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Văn T và Phạm Văn T từng có thời gian phục vụ trong

Q đội, bị cáo M là đối tượng thuộc hộ cận nghèo, là lao động chính D nhất và gia đình có công với cách mạng nên các bị cáo Đỗ Văn T và Phạm Văn T, bị cáo M được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:

[8] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trật tự công cộng được Nhà nước bảo vệ và gây mất trật tự trị an chung nên phải xử lý nghiêm bằng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cần căn cứ vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc để cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[9] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo tuy không có tiền án, tiền sự, phạm tội ít nghiêm trọng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng đã xâm phạm trật tự trị an chung. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm chung.

[10] Căn cứ vào tính chất, vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy: bị cáo Lê Quang M mặc dù không rủ rê các bị cáo khác đến nhà đánh bạc, không thỏa thuận về số tiền "hò" và số tiền "hò" thu được không lớn (80.000đồng) S mặc nhiên để các bị cáo khác đánh bạc ở nơi ở thuộc sự quản lý của mình để hưởng lợi nên cần phải áp dụng hình phạt tù trên mức khởi điểm mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó không nhất thiết buộc bị cáo phải cách ly xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[11] Bị cáo Q, bị cáo H là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đánh bạc, quy định cách thức chơi; bị cáo Đỗ Văn T là người sử dụng số tiền nhiều nhất để đánh bạc nên cũng cần áp dụng hình phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt, mặc dù số tiền của bị cáo Đỗ Văn T sử dụng đánh bạc nhiều nhất S vai trò của bị cáo Đỗ Văn T thấp hơn và có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn do đó mức hình phạt của bị cáo T sẽ thấp hơn bị cáo Q, H; Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó không nhất thiết buộc các bị cáo phải cách ly xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[12] Đối với các bị cáo T, S, D, Đ, Hải, P, Phạm Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội ít nghiêm trọng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Vì vậy,

không cần thiết phải buộc các bị cáo phải cách ly xã hội mà có thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời còn thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên căn cứ vai trò, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc nên mức hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo T, S cao hơn mức hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo còn lại. Bị cáo Phạm Văn T có số tiền đánh bạc thấp nhất và có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn nên mức hình phạt của bị cáo Phạm Văn T thấp hơn các bị cáo T, S, D, Đ, H, P. Các bị cáo T, S, D, Đ, H, P, Phạm Văn T khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ còn bị khấu trừ thu nhập S xét hoàn cảnh bị cáo kinh tế khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo. Sau khi phạm tội, các bị cáo đều bị tạm giữ nên được khấu trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ. Cụ thể là bị tạm giữ 09 ngày từ 10-3-2020 đến 18-3-2020 nên được khấu trừ 27 ngày cải tạo không giam giữ.

[13] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện kinh tế của các bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[14] Về xử lý vật chứng: Số tiền 23.150.000 đồng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 Q bài; 01 hộp nhựa hình trụ tròn màu trắng là công cụ phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Trả lại cho các bị cáo số tiền 26.520.000 đồng không dùng để đánh bạc, cụ thể là trả lại bị cáo Trần Văn Q số tiền 7.340.000 đồng; trả lại bị cáo Ngô Văn T số tiền 5.000.000 đồng, trả lại bị cáo Ngô Văn S số tiền 7.050.000 đồng, trả lại bị cáo Hoàng Ngọc Đ số tiền 2.000.000 đồng, trả lại bị cáo Bùi Văn D số tiền 3.630.000 đồng, trả lại bị cáo Trần Việt P số tiền 500.000 đồng, Phạm Văn T số tiền 1.000.000 đồng nhưng cần tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

[15] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật. Bị cáo Lê Quang M là đối tượng thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[16] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Quang M 15 (mười lăm) tháng tù

nhưng cho hưởng án treo về tội “Gá bạc”. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn Q 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn Q cho Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Văn T cho Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngô Văn S 24 (hai mươi tư) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo 27 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 09 ngày (từ ngày 10-3-2020 đến ngày 18-3-2020). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Ngô Văn S cho UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngô Văn T 24 (hai mươi tư) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo 27 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 09 ngày (từ ngày 10-3-2020 đến ngày 18-3-2020). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Ngô Văn T cho UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

7. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo 27 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 09 ngày (từ ngày 10-3-2020 đến ngày 18-3-2020). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Bùi Văn H cho UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

8. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Việt P 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo 27 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 09 ngày (từ ngày 10-3-2020 đến ngày 18-3-2020). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Việt P cho UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

9. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc Đ 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo 27 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 09 ngày (từ ngày 10-3-2020 đến ngày 18-3-2020). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Hoàng Ngọc Đ cho UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

10. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn D 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo 27 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 09 ngày (từ ngày 10-3-2020 đến ngày 18-3-2020). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Bùi Văn D cho UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

11. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo 27 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 09 ngày (từ ngày 10-3-2020 đến ngày 18-3-2020). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường H, quận D, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 23.150.000 đồng (hai mươi ba triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng thu giữ của các bị cáo theo giấy ủy nhiệm chi lập ngày 31-7-2020 giữa Công an quận D và Kho bạc Nhà nước quận D.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 Q bài; 01 hộp nhựa hình trụ tròn màu trắng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03-8-2020 giữa Công an quận D và Chi cục Thi hành án dân sự quận D.

Trả lại bị cáo Trần Văn Q số tiền 7.340.000 (bảy triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng; trả lại bị cáo Ngô Văn T số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, trả lại bị cáo Ngô Văn S số tiền 7.050.000 (bảy triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng, trả lại bị cáo Hoàng Ngọc Đ số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, trả lại bị cáo Bùi Văn D số tiền 3.630.000 (ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn) đồng, trả lại bị cáo Trần Việt

P số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, Phạm Văn T số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng thu giữ của các bị cáo theo giấy ủy nhiệm chi lập ngày 31-7-2020 giữa Công an quận D và Kho bạc Nhà nước quận D nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo Trần Văn Q, Nguyễn Văn H, Ngô Văn S, Ngô Văn T, Đỗ Văn T, Bùi Văn Hải, Trần Việt P, Bùi Văn D, Phạm Văn T và Hoàng Ngọc Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Quang M.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận D;
- VKSND TP Hải Phòng;
- CQ CSĐT công an quận D;
- Công an quận D;
- Cơ quan THAHS quận D;
- PV 06 và PC 10 CATP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Các bị cáo;
- UBND cấp xã nơi các bị cáo cư trú;
- Tòa án TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA P TÒA**

Vũ Quang T